

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 31/2025/NQ-HĐND

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung, mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ phục vụ cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 87/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031;

Xét Tờ trình số 263/TTr-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ phục vụ cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Báo cáo thẩm tra số 152/BC-KTNS ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ phục vụ cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ phục vụ cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

2. Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước phục vụ cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Quy định nội dung, mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ phục vụ cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

1. Đối với các nội dung chi đã được cấp có thẩm quyền quy định mức chi:

a) Chi tổ chức hội nghị: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng quy định mức chi công tác phí, chi tổ chức hội nghị đối với cơ quan, đơn vị trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Riêng đối với các hội nghị do Ủy ban bầu cử thành phố triệu tập áp dụng theo chế độ chi kỳ họp Hội đồng nhân dân thành phố theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng về áp dụng nội dung và mức chi bảo đảm hoạt động Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

b) Chi tổ chức tập huấn cho cán bộ tham gia phục vụ công tác tổ chức bầu cử thực hiện theo quy định tại Thông tư số 100/2025/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức; Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng quy định mức chi cụ thể cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

c) Chi công tác phí cho công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử: Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng quy định mức chi công tác phí, chi tổ chức hội nghị đối với cơ quan, đơn vị trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

d) Chi xây dựng văn bản quy phạm pháp luật: Thực hiện theo quy định hiện hành.

đ) Chi ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, xây dựng, cập nhật, vận hành trang thông tin điện tử phục vụ công tác bầu cử: Thực hiện theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; các định mức kinh tế - kỹ thuật và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

e) Chi công tác tuyên truyền, in ấn: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu, giao nhiệm vụ.

g) Chi trang bị tài sản, máy móc, thiết bị phục vụ Ủy ban Bầu cử thành phố: Thực hiện theo đúng định mức, chế độ, chi tiêu hiện hành trong phạm vi dự toán ngân sách hàng năm giao cho Sở Nội vụ (cơ quan thường trực).

2. Đối với các nội dung chi ngoài quy định tại khoản 1 Điều này: Thực hiện theo mức chi tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

3. Đối với các nội dung chi nằm ngoài chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 5 Thông tư số 87/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.
3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố phối hợp giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 12 năm 2025; thay thế Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam quy định một số nội dung, mức chi phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh.
2. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khoá X, nhiệm kỳ 2021 - 2026, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 11 tháng 12 năm 2025./

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VP: Chủ tịch nước; Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục KTVB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND, UBMTTQVN thành phố;
- Các Ban của HĐND thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố;
- Văn phòng UBND thành phố;
- Các sở, ngành, đoàn thể thành phố;
- Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ các xã, phường, đặc khu;
- Báo và PT-TH ĐN, Chuyên đề CATPĐN, Trung tâm THVN (VTV8), Công TTĐT thành phố, Công báo TP Đà Nẵng;
- Lưu: VT, CTHĐND.



Nguyễn Đức Dũng

Phụ lục
QUY ĐỊNH MỨC CHI BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XVI VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2026 - 2031
(Kèm theo Nghị quyết số 31/2025/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2025 của
Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng)

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi		
			Thành phố	Cấp xã (miền núi)	Cấp xã còn lại
1	Chi bồi dưỡng các cuộc họp				
a	Các cuộc họp của Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử và Tổ bầu cử, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp				
-	Chủ trì cuộc họp	đồng/người/buổi	400.000	400.000	350.000
-	Thành viên tham dự	đồng/người/buổi	160.000	160.000	140.000
-	Các đối tượng phục vụ	đồng/người/buổi	80.000	80.000	70.000
b	Các cuộc họp khác liên quan đến công tác bầu cử				
-	Chủ trì cuộc họp	đồng/người/buổi	240.000	240.000	200.000
-	Thành viên tham dự	đồng/người/buổi	160.000	160.000	140.000
-	Các đối tượng phục vụ	đồng/người/buổi	80.000	80.000	70.000
2	Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử của Thường trực HĐND, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử và Tổ bầu cử, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp (ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành)				
a	Trưởng đoàn giám sát	đồng/người/buổi	240.000	240.000	210.000
b	Thành viên chính thức của đoàn giám sát	đồng/người/buổi	160.000	160.000	140.000
c	Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ đoàn giám sát:				
-	Phục vụ trực tiếp đoàn giám sát	đồng/người/buổi	120.000	120.000	100.000
-	Phục vụ gián tiếp đoàn giám sát (lái xe, bảo vệ lãnh đạo)	đồng/người/buổi	80.000	80.000	70.000
d	Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát				
-	Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát	đồng/báo cáo	3.000.000	2.000.000	2.000.000
-	Báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát trình Thường trực HĐND thành phố, Ủy ban bầu cử	đồng/báo cáo	5.000.000	4.000.000	4.000.000
-	Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia Tổng mức chi xin ý kiến tối đa là: 1.000.000 đồng/người/văn bản.	đồng/người/văn bản	300.000	300.000	300.000
-	Chỉnh lý, hoàn chỉnh báo cáo	đồng/báo cáo	800.000	700.000	700.000
3	Chi xây dựng văn bản không phải là văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban bầu cử, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp ban hành				
a	Xây dựng văn bản (bao gồm Nghị quyết, kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, báo cáo sơ kết, tổng kết, biên bản tổng kết cuộc bầu cử, các văn bản hướng dẫn cho một đơn vị hành chính cấp xã nhưng được gửi đến tất cả các đơn vị hành chính cấp xã để cùng áp dụng) (tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý).	đồng/văn bản	3.000.000	1.000.000	1.000.000
b	Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia Tổng mức chi xin ý kiến tối đa là: 1.000.000 đồng/người/văn bản.	đồng/người/văn bản	300.000	300.000	300.000
4	Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử				

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi		
			Thành phố	Cấp xã (miền núi)	Cấp xã còn lại
a	Bồi dưỡng theo mức khoán/tháng đối với các đối tượng sau				
-	Thường trực Ban Chỉ đạo công tác bầu cử; Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử các cấp	đồng/người/tháng	2.700.000	2.700.000	2.300.000
-	Thành viên Ban Chỉ đạo công tác bầu cử; Thư ký và thành viên Ủy ban bầu cử các cấp; Trưởng ban, các Phó Trưởng ban; Tổ trưởng Tổ bầu cử	đồng/người/tháng	2.400.000	2.400.000	2.100.000
-	Thư ký và Ủy viên Ban bầu cử; Thư ký và Ủy viên Tổ bầu cử, các thành viên Tổ giúp việc cho Ủy ban bầu cử	đồng/người/tháng	2.100.000	2.100.000	1.900.000
-	Thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng phục vụ công tác bầu cử được tính từ thời gian Nghị quyết, Quyết định thành lập, cử người có hiệu lực đến khi Ủy ban bầu cử các cấp kết thúc nhiệm vụ. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng mức bồi dưỡng cao nhất. Danh sách chỉ bồi dưỡng thực hiện theo Nghị quyết, Quyết định thành lập, cử người được cấp có thẩm quyền phê duyệt.				
b	Các đối tượng được huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử (ngoài các đối tượng đã được huy động, trung tập tham gia tại các tổ giúp việc Ủy ban bầu cử các cấp)	đồng/người/ngày	200.000	200.000	200.000
	Thời gian hưởng chế độ chi bồi dưỡng không quá 15 ngày (không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; phục vụ trực tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử, ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử).				
	Mức chi bồi dưỡng:				
	Trường hợp thời gian huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử lớn hơn 15 ngày; thực hiện trên cơ sở quyết định, văn bản huy động, trung tập được cấp có thẩm quyền phê duyệt.	đồng/người/tháng	3.000.000	3.000.000	3.000.000
c	Chi bồi dưỡng riêng 02 ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử), áp dụng đối với tất cả các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử; danh sách đối tượng được hưởng chế độ chi bồi dưỡng theo các quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt.	đồng/người/ngày	200.000	200.000	200.000
5	Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử				
a	Thường trực Ban Chỉ đạo công tác bầu cử; Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử các cấp	đồng/người/tháng	400.000	400.000	400.000
b	Thành viên Ban Chỉ đạo công tác bầu cử; Thư ký và thành viên Ủy ban bầu cử các cấp; Trưởng ban, các Phó Trưởng ban; Tổ trưởng Tổ bầu cử				
c	Thư ký và Ủy viên Ban bầu cử; Thư ký và Ủy viên Tổ bầu cử, các thành viên Tổ giúp việc cho Ủy ban bầu cử				
d	Trưởng ban, các phó trưởng ban, thành viên Ban chỉ đạo công tác bầu cử, Tổ giúp việc của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp				
đ	Thời gian hưởng hỗ trợ cước điện thoại di động được tính theo thời gian thực tế phục vụ công tác bầu cử, từ thời điểm Nghị quyết, Quyết định thành lập, cử người được cấp có thẩm quyền phê duyệt.				
6	Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử				
a	Người được giao trực tiếp việc tiếp công dân	đồng/người/buổi	120.000	120.000	100.000
b	Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân	đồng/người/buổi	100.000	100.000	70.000
c	Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân	đồng/người/buổi	50.000	50.000	50.000

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi		
			Thành phố	Cấp xã (miền núi)	Cấp xã còn lại
7	Chi đóng hòm phiếu Trường hợp hòm phiếu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung	đồng/hòm phiếu	500.000	500.000	500.000
8	Chi khắc dấu Trường hợp dấu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung	đồng/dấu	400.000	400.000	400.000
	(mức chi chưa bao gồm phí, lệ phí)				
9	Chi bảng niêm yết danh sách bầu cử Trường hợp chưa có bảng niêm yết, hoặc bảng cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung	đồng/bảng	1.500.000	1.500.000	1.500.000